

**Sự tiến triển kết hợp của hoàn cảnh học đường và của hướng nghiệp tại
Pháp: một vài điểm mốc cho lịch sử hướng nghiệp.**

Régis Ouvrier-Bonnaz
Trung tâm Châu Âu Nghiên cứu
và ứng dụng tâm lý hướng nghiệp
INETOP, CNAM

Tóm tắt:

Trong bài viết này, chúng tôi dựa vào logic của những công trình của các nhà sử học trong giáo dục. Những công trình này đã chỉ ra rằng nếu chúng ta không chú trọng đến lịch sử, sẽ khó có thể hiểu được những đặc điểm và những đặc thù của công tác hướng nghiệp hiện đang tồn tại ở Pháp trong mối quan hệ với những cơ sở đào tạo. Chúng tôi sẽ trình bày công tác hướng nghiệp đã được ra đời như thế nào tại Pháp, vào đầu thế kỷ 20, theo mong muốn của giới chính trị và kinh tế. Họ lo lắng về tình trạng suy giảm của những cách thức gia nhập vào thế giới học tập và thế giới việc làm. Mỗi lo lắng này giao cắt với những lo lắng của các nhà trí thức về sự tiến bộ chung của xã hội.

Việc nghiên cứu những văn bản pháp luật nổi trội nhất, lịch sử những cơ quan và sự ra đời của những cơ quan này đưa ra ánh sáng bước chuyển từ công tác hướng nghiệp theo thời gian, giới hạn trong thế giới việc làm sang công tác hướng nghiệp liên tục ăn sâu trong các trường học.

Từ khoá: học tập, năng khiếu, giáo dục chuyên nghiệp và kỹ thuật, thông tin, hướng nghiệp.

Nếu lịch sử hướng nghiệp bắt đầu tại Pháp vào cuối những năm 1910, sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, thì những thảo luận về sự cần thiết đặt hướng nghiệp vào khung thể chế cũng bắt đầu được hình thành qua những thay đổi xã hội, kinh tế từ cuối thế kỷ 19. *“Lịch sử của hướng nghiệp thực chất là tổng hợp nhiều lịch sử khác tương tác lẫn nhau: lịch sử kinh tế và xã hội, lịch sử của sự đi học và của bộ máy học đường, lịch sử của các cơ cấu hành chính, lịch sử của tâm lý, lịch sử của các ý tưởng, của các thực hành”* (Huteau, 1999).

Sự xuống cấp của các hình thái gia nhập nghề nghiệp và của các điều kiện làm việc của công nhân, vào cuối thế kỷ 19, đã khiến đào tạo chuyên môn trở thành câu hỏi chính đối với lớp trẻ. Trong bối cảnh đó, ý tưởng về hướng nghiệp là đáp ứng được mối quan tâm làm thế nào giúp lớp trẻ có những công việc phù hợp nhất với khả năng của họ. Ý tưởng đo lường những đặc điểm tâm lý nhằm sắp xếp sự phân phối các cá nhân trong thị trường lao động không phải là mới mẻ, nhưng trong những năm đầu thế kỷ 20 hướng nghiệp đã đưa ra một thể thức khoa học mới được coi như là một ứng dụng của tâm lý học và những công cụ của nó: các bản kiểm tra trắc nghiệm (test). Với mong muốn phân loại, khái niệm về khả năng như một năng khiếu tự nhiên, và sự đo lường của nó được đặt vào trung tâm.

Đo lường các khả năng: một mối lo lắng chung giữa thế giới nghề và trường học.

Khuôn khổ đầu tiên về khái niệm của hướng nghiệp đã được biết đến: các cá nhân khác nhau bởi họ có những khả năng thừa hưởng chuyên biệt, các nghề là những thực thể ổn định đòi hỏi những khả năng rất cụ thể. Mục đích của việc ứng dụng tâm lý học vào hướng nghiệp là giúp cho sự dung hòa những khả năng của chủ thể với những khả năng yêu cầu của nghề nghiệp trở nên dễ dàng hơn, và góp phần vào việc giúp cho mỗi người có một vị trí riêng của mình (Huteau, Lautrey, 1979). Mối quan tâm này cũng hiện diện trong các trường học vào đầu thế kỷ như những gì Alfred Binet đã chứng tỏ trong cuốn “Năm tâm lý” (Année Psychologique) năm 1908 về những nghiên cứu nguồn gốc của thang đo trí thông minh (Echelle métrique de l’intelligence): *“những gì những nghiên cứu này mang lại vượt qua cả giáo dục học, bởi vì chúng ta dự kiến những khả năng liên quan đến các ngành nghề sẽ được thực hiện..., chúng ta nghĩ rằng trong lĩnh vực này chúng ta có thể làm rất nhiều điều nhằm cải thiện mối quan hệ giữa công nhân và giới chủ, và để giúp tìm giải pháp cho vấn đề giai cấp công nhân bằng việc báo trước cho trẻ em, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, những nghề thích hợp nhất với các em, và bằng việc giảm số lượng những người không thích ứng tốt, họ sẽ bị đánh giá ở hạng thấp hơn, sẽ trở thành những người bất hạnh, những người không chịu phục tùng...”*

J.Guichard (1987) đã bình luận về công trình này: *“công trình chỉ đề cập ít đến mối quan tâm chính trị và xã hội chủ yếu, những điều chủ yếu này hợp thành một khung hệ tư tưởng trong đó được trình bày những phương pháp khoa học đầu tiên liên quan đến trẻ em không thích ứng (hoặc đến hướng nghiệp)... nếu không có những quan tâm xã hội, chính trị và đạo đức vào cuối thế kỷ 19, những phương pháp đó sẽ không được trình bày: những vấn đề cần giải quyết không thể được nhìn thấy một cách dễ dàng, không thể được nhận thấy dễ dàng như những vấn đề xã hội, và vậy thì không thể hợp thành những câu hỏi khoa học. Nhưng mặt khác, những phương pháp về những câu hỏi này, phương thức khoa học đề cập đến những câu hỏi ấy sẽ mang dấu ấn của khung hệ tư tưởng đã làm nảy sinh các phương pháp trên”*.

Khung cơ sở của sự hòa hợp về hướng nghiệp bắt đầu hình thành từ ý tưởng một xã hội lý tưởng được tổ chức theo những quy luật về lẽ phải, nơi mà mỗi người có một vị trí riêng. Nó vẽ nên đường viền của một không gian có thể được cách biệt như một phạm vi môn học tự chủ trong đó nghiên cứu về các khả năng xuất hiện như hệ biến hóa chủ đạo. Từ “năng lực” (aptitude) được sử dụng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn với nhiều nghĩa khác nhau. Sự đa dạng này góp phần làm cho khó phân biệt những cuộc tranh luận không hẳn lúc nào cũng tuân thủ các quy tắc tranh luận khoa học. Từ này bao trùm một khái niệm cũ mà lịch sử của nó còn xuất hiện trước cả ứng dụng trong lĩnh vực hướng nghiệp. Vào thế kỷ 16, “năng lực”, là một từ hoàn toàn mang nghĩa pháp lý chỉ địa vị đương nhiên, tuy nhiên địa vị này không đồng nghĩa với cấp bậc cao. Từ này ít được dùng, đến thế kỷ 18 dưới sự ảnh hưởng của tư tưởng “ánh sáng”, nó được hiểu theo nghĩa giá trị, trách nhiệm cá nhân, để sau đó đến cuối thế kỷ, vào đầu cuộc cách mạng công nghiệp và kỹ thuật, ăn khớp với hoạt động thực hành của con người. Chính với sự liên kết đó, vào thời điểm mà người ta đang đặt lại câu hỏi về sự ưu tiên của tri thức, với logic của cuộc Cách mạng 1789, xã hội công nghiệp và thương mại của nửa đầu thế kỷ 19 thử đặt tính hợp pháp của mình trên cơ sở hệ tư tưởng biện bạch sự không công bằng. Các năng lực cá nhân (capacités individuels) được đánh giá như điều cốt yếu, kế thừa, chứng minh

được vị trí của từng người trong xã hội. Noelle Bisseret (1974) nêu lên từ cơ sở khoa học sinh học *“sự không công bằng xã hội không còn liên hệ đến một xã hội mà con người là người sáng tạo, nhưng liên quan đến một trật tự mới tiên nghiệm, đó là thứ tự của bản chất sinh học bất biến và mang tính chất quyết định”*.

Vào thời kỳ mà cuộc khủng hoảng học nghề, sự gia nhập nghề phát triển nhiều, phép đo lường khoa học những khả năng được nhìn nhận như một tiến bộ của lẽ phải. Với sự tiến triển của công nghiệp, sự đối lập hình thành ngày càng rõ rệt giữa những hoạt động giới hạn trong sự sử dụng thể lực của công nhân và những hoạt động chuyên môn hơn, đòi hỏi trình độ cao hơn mà hệ thống giáo dục không đáp ứng được (Prost, 1968). Đã xuất hiện sự cạnh tranh giữa hai quan niệm về trình độ. Khái niệm thứ nhất được làm rõ nét bởi sự đơn giản hóa, sự chia nhỏ những công việc chuyên môn. Khái niệm thứ hai, đại diện bởi giáo dục nghề ngay từ khi được sáng lập, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của những lý thuyết đạt được, và của những hiện tượng chuyển giao các kiến thức đạt được. Các cuộc đấu tranh giành ảnh hưởng giữa các quốc gia, ngay trong một quốc gia, giữa các bộ Giáo dục và Thương mại, giới chủ, giới quyền lực chính trị địa phương sẽ xác định nhịp phát triển của giáo dục nghề và những phương thức tiếp cận.

Sự sắp đặt, phát triển của đào tạo nghề và câu hỏi về hướng nghiệp

Ngay từ năm 1829, những lớp học 2 năm về khoa học và ứng dụng vào công nghiệp, lý thuyết thương mại đã tồn tại trong các trường cấp hai, nhưng đạo luật ngày 2 tháng 10 năm 1863 về giáo dục phổ thông đặc biệt đã cố gắng đặt ra một ngành đào tạo đặc biệt. Trong khuôn khổ của những cuộc thảo luận tham gia vào việc sáng lập ngành đào tạo đó, từ “năng lực” đã được sử dụng, lần đầu tiên vào năm 1852, trong một bài viết về đề xuất của Fortoul người thiết lập hai con đường đào tạo sau lớp 9 (Isambert-Jamati 1972). Ngành đào tạo đặc biệt này không hẳn là chuyên ngành, nhưng nó phải phục vụ cho sự gia nhập vào các ngành nghề (Lelièvre, 1990). Sự quan tâm kết hợp lý thuyết và thực hành có liên hệ với hoàn cảnh kinh tế, và thực tại kỹ thuật thời đó. Victor Duruy, Bộ trưởng Bộ GD, trong bức thư gửi các hiệu trưởng, về cách tổ chức của ngành đào tạo đặc biệt này đã nhắc lại rằng *“trong cuộc tranh đấu hòa bình, nhưng cũng đáng gờm, của các dân tộc công nghiệp, chiến thắng không thuộc về người có nhiều nhân công, nhiều vốn hơn, mà thuộc về quốc gia cần cù siêng năng, có nhiều tri thức hơn. Mỗi ngày khoa học lại đưa ra thêm những tác nhân phục vụ công nghiệp. Đây là lý do tại sao tiến bộ công nghiệp ngày nay gắn liền với tiến bộ học đường”*. Sự phát triển của ngành đào tạo đặc biệt này đáp ứng mỗi lo lắng kép: sự cần thiết suy nghĩ lại cách tổ chức công việc và mong muốn đề cao tất cả mọi người. Mặc dù có thành công không thể chối bỏ được, ngành đào tạo này sẽ dần dần tiến triển để trở thành, vào năm 1902 (sắc lệnh ngày 31 tháng 5) cấp trung học hiện đại không còn mang tính chất chuyên nghiệp nữa.

Giáo dục tiểu học và sự phát triển của đào tạo nghề

Đối mặt với những điều không nói ra cần phải sát nhập lại, đào tạo nghề đặc biệt trong trường cấp ba cần được phát triển về phía đào tạo bậc tiểu học. Đạo luật ngày 11 tháng 12 năm 1880 thiết lập hình thức đào tạo nghề ngắn hạn: những trường học nghề trực thuộc Bộ Thương Mại, và những lớp học của các trường cấp hai (école primaire

supérieure - EPS) dưới sự bảo hộ của Bộ GD. Những trường này được trang bị tốt nhất đã được đặt dưới sự quản lý của Thủ tướng vào năm 1892 (sắc lệnh ngày 1 tháng 6), và mang tên Trường Thực hành Thương mại và Công nghiệp (Ecole pratique de commerce et d'industrie – EPCI). Rất nhanh sau đó sự chia sẻ trách nhiệm này đưa ra một sự phân chia hệ tư tưởng (Caroff, 1987). Các trường dạy nghề trực thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp, còn các trường học thuộc trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Mỹ thuật (Ministère de l'Instruction Publique et des Beaux-Arts). Sự phân biệt này làm rõ một số căng thẳng còn tồn tại dai dẳng trong đào tạo nghề và kỹ thuật: căng thẳng giữa công trường và nhà trường, giữa cụ thể và trừu tượng, giữa chung và riêng, giữa lý thuyết và thực hành, giữa tinh thần và thể xác. Sự tranh luận về ý tưởng mà chúng ta gặp lại khi định nghĩa những chứng thực chuyên môn, đối lập những người theo mô hình đào tạo nghề bắt chước một cách chặt chẽ cách tổ chức công việc, với những người ủng hộ một khái niệm rộng hơn của đào tạo tích hợp trong dự án giáo dục lớn hơn. Tất cả những căng thẳng đó hợp thành các tiêu chí phân biệt các loại hình giáo dục, học sinh, học nghề, và hướng nghiệp (Fontègne, 1921). Trên thực tế, không có một trường học nào đào tạo công nhân. Như hệ thống các trường chuyên môn quốc gia (Ecole Nationale Professionnelle – ENP) đã được thành lập vào năm 1881, nhưng trường đầu tiên mở cửa vào năm 1886, và những trường kỹ thuật của Paris thành lập một thời gian sau, các trường này đào tạo ra đội ngũ tinh hoa của tầng lớp công nhân. Trong tất cả những dự án đó, nếu hướng nghiệp hiện hữu, dù rõ ràng ít hoặc nhiều, thì nó cũng không có một cách xử lý riêng biệt. Vào thế kỷ 20, sự thiếu nhân công càng tăng lên và khủng hoảng học nghề vẫn tồn tại.

Khủng hoảng học nghề và những hình thức hướng nghiệp đầu tiên trong nhà trường: những lớp học dự bị học nghề.

Cuộc tranh luận về học nghề đã có từ lâu, nhưng nó được khơi gọi lại vào cuối thế kỷ 19 bởi sự công nghiệp hóa hàng loạt diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa tự do kinh tế, bối cảnh này làm trầm trọng thêm điều kiện sống và làm việc của công nhân, làm cuộc sống của những người khó khăn càng bấp bênh thêm, đặc biệt là trẻ em. Trong bối cảnh đó, hướng nghiệp và học nghề được coi như những yếu tố cho phép sự gia nhập tốt hơn và sự công bằng xã hội lớn hơn. Phong trào hướng nghiệp xuất hiện ngoài nhà trường, và phát triển ở ngoài ngoài vì nhà trường các ngoại lệ có thể được coi như những mô hình đầu tiên của hướng nghiệp: đó là những lớp học dự bị học nghề. Mô hình hướng nghiệp đầu tiên này được đánh dấu bởi những đạo luật thể tục hóa trường học năm 1904. Năm 1911, khi Đại hội Roubaix về hướng nghiệp được Hiệp hội Phát triển Đào tạo Kỹ thuật Pháp tổ chức (AFDET, thành lập đầu thế kỷ), dự bị học nghề được định nghĩa như giai đoạn nhằm làm nảy sinh sự lựa chọn nghề ở trẻ em. Sự liên kết giữa hướng nghiệp và dạy nghề cũng được định nghĩa rõ ràng ở đây. Hai kinh nghiệm sau sẽ làm nảy sinh những bàn luận về định nghĩa này:

- Xưởng dự bị học nghề của giới chủ, mở ra vào năm 1907 bởi Kula, chủ hãng mác nhà - ông nước tại Paris, sự khởi xưởng này được sự ủng hộ của giới chủ,
- Những lớp dự bị học nghề, mở ra năm 1911 tại 4 trường tiểu học Paris theo sự khởi xưởng của A. Jully, thanh tra chính bộ môn lao động các trường tiểu học ở Paris, với sự ủng hộ của Hội Giáo dục.

Về mặt thể chế, sự thành lập những lớp dự bị học nghề xuất hiện như một trong những biểu hiện cạnh tranh giữa Bộ Thương mại và Bộ Giáo dục (Briand, 1989). Đây là biểu hiện cụ thể của những tranh luận về sự tiến triển của sự kéo dài phổ cập giáo dục bắt buộc và sự thành lập ngành đào tạo kỹ thuật kiểu trường học. Những sự khởi xướng này không có kết quả về mặt lập pháp, khác với những bản luận về học nghề đã dẫn đến sự ra đời của đạo luật Astier vào năm 1919. Chính vì không có câu trả lời thỏa đáng, những câu hỏi dự bị học nghề luôn tái hiện mỗi khi có khủng hoảng nhà trường để tra cứu mối liên hệ giữa đào tạo/việc làm và hướng nghiệp.

Đạo luật Astier năm 1919 và sự công nhận hướng nghiệp

Nghị viện trong cuộc họp ngày 4 tháng 7 năm 1919 đã bỏ phiếu thông qua đạo luật này, thường xuyên chỉ được gắn với sự thành lập chứng chỉ nghề (Certificat d'Aptitude Professionnelle - CAP), kết quả của 15 năm bản luận dự án luật đưa ra vào năm 1905 bởi Bộ trưởng Bộ Thương mại thời đó. Đạo luật này nhằm tổ chức đào tạo kỹ thuật công dưới quyền của Bộ Thương mại, thiết lập sự giám sát của Nhà nước đối với đào tạo kỹ thuật tư, đặt ra những lớp học chuyên môn bắt buộc đối với thanh niên dưới 18 tuổi làm việc trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp. Đạo luật 1919 lấy lại những quy định này trong đường hướng chính và đưa vào luật, điểm mới là ở chỗ có nghĩa vụ kén chọn những lớp học nghề. Các địa phương phải mở các lớp học và chu cấp cho hoạt động của những lớp đó, việc theo học các lớp này là bắt buộc. Đạo luật cũng chỉ rõ rằng các trường nghề có thể được thành lập bởi các Phòng Thương mại hoặc các hiệp hội chuyên môn. Không có quy định nào trong luật này liên quan trực tiếp đến hướng nghiệp. Trong khi đó, Caroff (1987) đã chỉ ra trong nghiên cứu về tổ chức hướng nghiệp thanh niên tại Pháp, rằng *"hướng nghiệp sẽ trở thành, trong vòng 3 năm tới một thực tế hiện hữu trong các cơ quan"* với sự thúc đẩy của các địa phương. Sự tiến triển này được ủng hộ rộng rãi bởi trường phái khoa học liên quan đến sự thành lập và phát triển của kỹ thuật tâm lý, và sự thành lập Viện Tâm lý theo khởi xướng của Piéron vào năm 1921 bao gồm Ban hướng nghiệp và tuyển chọn chuyên môn (Section d'Orientation et Selection Professionnelle). Có một sự thay đổi về thể chế mang tính chất quyết định: sự thành lập lần đầu tiên vào năm 1920 tiểu ban thư ký phụ trách đào tạo kỹ thuật trong Bộ Giáo dục và Mỹ thuật. Vụ giáo dục kỹ thuật trước đây thuộc về Bộ Thương mại và Công nghiệp, nay được chuyển về Bộ Giáo dục và Mỹ thuật. Ngay từ đó, nếu tìm đầu ra cho thanh niên một cách hợp lý được nhìn nhận như một điều tất yếu, thì hướng nghiệp không thể chỉ phụ thuộc vào đòi hỏi kinh tế qua việc tách biệt hướng nghiệp và tìm đầu ra. Theo Edmond Labbé, giám đốc đào tạo kỹ thuật 1920-1933, hướng nghiệp tham gia vào việc thực hiện công bằng xã hội bằng cách đặt mỗi người vào đúng vị trí của họ. Chính vì vậy, hướng nghiệp cần được nhìn nhận như một câu hỏi giáo dục.

Sắc lệnh ngày 26 tháng 9 năm 1922, đánh dấu sự thành lập các văn phòng hướng nghiệp dưới trách nhiệm của tiểu ban thư ký giáo dục kỹ thuật, dựa trên một thỏa hiệp. Việc chinh đồn hành chính không thay đổi gì thực tế (Prost, 1996). Các dịch vụ hướng nghiệp vẫn là tùy ý, còn các văn phòng hướng nghiệp tiếp tục được tài trợ bởi các chủ thể tư nhân, doanh nghiệp, hoặc tổ chức, hoặc đơn vị hành chính công (phòng nghề, tỉnh...). Trong bối cảnh đó, sự thành lập Viện Hướng nghiệp Quốc gia (Institut National

d'Orientation Professionnelle – INOP), nếu cho phép ta đặt ra những câu hỏi đào tạo nhân viên cho những văn phòng hướng nghiệp, đáp ứng cho sự quan tâm khoa học nhiều hơn là yêu cầu thực tế của xã hội. Sự mở đầu của Viện này đã đưa ra cơ hội cho Labbé làm rõ hơn liên hệ giữa đào tạo kỹ thuật và hướng nghiệp. Hướng nghiệp là *“một yếu tố chủ yếu của đào tạo kỹ thuật, hay nói cách khác đây là cơ sở”*. Khả năng tuyển dụng có trình độ cao sẽ tăng cường vai trò của các văn phòng hướng nghiệp. Vào năm 1932, Viện Hướng nghiệp Quốc gia INOP (Tiền thân của INETOP), cùng với những hiệp hội khác, tham gia vào việc thành lập Cơ quan Thống kê Đại học (Bureau Universitaire de Statistique – BUS). Mục tiêu của cơ quan này là thiết lập cơ sở tài liệu học đường và chuyên nghiệp nhằm chống lại tình trạng thất nghiệp trí thức, khiến sự gia nhập của sinh viên ra trường vào thị trường lao động dễ dàng hơn. Những sáng kiến trong hướng nghiệp rất nhiều, nhưng không được triển khai một cách đồng bộ. Cương vị của các văn phòng hướng nghiệp không rõ ràng, INOP được coi như một cơ sở tư, BUS giống như các hiệp hội. Cần phải có cố gắng thể chế hóa các cơ sở, đây sẽ là công việc của Chính phủ Mặt trận Bình dân (Front Populaire).

Chính phủ Mặt trận Bình dân và sự thành lập của các dịch vụ hướng nghiệp.

Chính phủ Mặt trận Bình dân, ra đời sau cuộc bầu cử ngày 5 tháng 5 năm 1936, lo lắng đến công bằng xã hội và tiến bộ kinh tế, vứt bỏ những nền tảng thực sự của hướng nghiệp. Một trong những quyết định đầu tiên của Bộ giáo dục dưới quyền của Jean Zay (1904-1944) là nâng tuổi phổ cập bắt buộc lên thành 14 tuổi. Ngay khi nhận chức, bộ trưởng chuẩn bị một dự án cải cách hệ thống giáo dục xoay quanh việc thành lập cấp hai kết thúc sự phân chia các loại hình đào tạo. Để làm việc đó, ba hình thức đào tạo song song (truyền thống, hiện đại, kỹ thuật) sẽ được thay đổi thành 3 ban. Nhằm bảo đảm hướng nghiệp cho học sinh trong 3 ban đó, dự án dự kiến chuyển lớp 6 thành một lớp thực sự mang tính quyết định. Rất nhiều người chống đối dự án này, vì thế sau đó những lớp hướng nghiệp đầu tiên (nghị định ngày 22 tháng 5 năm 1937) rút ngắn lại thành một học kỳ 3 tháng duy nhất không có tiếng la-tinh. Phong trào hướng nghiệp hình thành dựa trên sự phát triển của dạy nghề, để chống lại khủng hoảng việc làm. Sự thiếu nhân công có trình độ là một trong những vấn đề lớn mà chính phủ Mặt trận Dân chủ phải tìm cách giải quyết. Phương tiện cải thiện sự gia nhập việc làm và chống lại thất nghiệp nằm trong việc cải thiện công tác dạy nghề. Trong lĩnh vực này, đạo luật Astier không có được những kết quả mong đợi. Hai văn bản luật được thông qua, nối liền hướng nghiệp và dạy nghề, điều mà đạo luật Astier không làm:

- Đạo luật ngày 10 tháng 3 năm 1937 Walter – Paulin về việc tổ chức học nghề trong các doanh nghiệp thủ công,
- Sắc lệnh ngày 24 tháng 5 năm 1938 liên quan đến hướng nghiệp và dạy nghề trong thương mại, công nghiệp.

Sắc lệnh chỉ rõ rằng không thanh niên nào dưới 17 tuổi được tuyển dụng nếu không có chứng chỉ nghề ghi rõ những phản chỉ định đối với nghề đã chọn. Quy định này bao hàm việc thành lập một ban mới. Năm 1939, hai sắc lệnh quyết định các thể thức thành lập và hoạt động của các trung tâm hướng nghiệp. Văn phòng hướng nghiệp của tỉnh hoặc liên

tỉnh đã được thiết lập, với một thư ký hướng nghiệp. Văn phòng này được đặt dưới quyền của tỉnh trưởng, nằm trong quyền hạn của các thanh tra giáo dục. Những quy định khác sẽ nêu rõ mối liên hệ với hệ thống giáo dục, nghĩa vụ cộng tác với các trung tâm này của các hiệu trưởng, cũng như với các phòng tìm việc có nhiệm vụ thông báo cho văn phòng hướng nghiệp biết về tình hình của thị trường lao động địa phương. Nền tảng đã được thiết lập, nhưng do thiếu phương tiện dự án này sẽ khó có thể hoạt động được. Những giai đoạn chiến tranh, và chiếm đóng là những thời điểm khó khăn của hướng nghiệp, cho dù có sự nhiệt tình rất cao của Hyppolitte Luc, giám đốc đào tạo kỹ thuật từ năm 1933. Trong thời gian chiến tranh, ông đã cố gắng đưa ra một số văn bản thi hành của sắc luật ngày 24 tháng 5 năm 1938. Nhiệm vụ của ông rất khó khăn do sự tan vỡ của đào tạo chuyên môn bị giằng co giữa đào tạo kỹ thuật phụ thuộc vào Tổng cục Giáo dục (Secrétariat Général de l'Instruction Publique), và Ban đào tạo Thanh niên (Service de Formation des Jeunesse) gắn với Tổng cục thanh niên, Sở thanh niên (Commissariat des Chantiers de Jeunesse). Tính độc quyền của Viện Nghiên cứu Quốc gia về Lao động và Hướng nghiệp (INETOP) được đem ra bàn cãi nhưng loại bằng quốc gia do Viện INETOP cấp cho phép những người thi đỗ có được danh hiệu chuyên gia tư vấn hướng nghiệp. Trung tâm tư liệu chuyên môn quốc gia được thành lập tại đây (nghị định ngày 4 tháng 4 năm 1943), nhưng chỉ thực sự hoạt động vào năm 1945 dưới tên gọi Trung tâm nghiên cứu tư liệu đào tạo kỹ thuật (Centre d'Etudes et de Recherches Documentaires de l'Enseignement Technique – CERDET). Song song với việc đó, các trung tâm đào tạo chuyên gia tư vấn hướng nghiệp cũng được thành lập. Viện Thống kê sinh vật con người và hướng nghiệp (Institut de Biométrie Humaine et d'Orientation Professionnelle – IBHOP) của Marseille được sáng lập bởi sắc lệnh ngày 15 tháng 4 năm 1943. Sau chiến tranh viện này hoạt động như một viện đại học dưới sự giám sát khoa học của Khoa Y, trực thuộc Người lãnh đạo cơ quan quản lý giáo dục cấp vùng (Recteur), chịu sự điều hành của một giáo sư đại học, và được quản lý bởi một hội đồng hành chính. Sau giải phóng, các ban hướng nghiệp đã có một sự phát triển mới, mô hình này sẽ được sử dụng như mô hình mẫu để thành lập các trung tâm đào tạo. Cũng trong thời kỳ chiến tranh, nền tảng của đào tạo chuyên môn theo số lớn đã bị vứt bỏ. Các trung tâm đào tạo chuyên môn (Centre de formation professionnelle – CFP), sau này là trung tâm học nghề công cộng (đạo luật ngày 21 tháng 2 năm 1949) là nguồn gốc của sự thành lập các trường đào tạo chuyên môn như trường đào tạo kỹ thuật (Collège d'enseignement technique – CET) mở năm 1960.

Sự thiết chế hóa các phòng hướng nghiệp (services d'orientation) trong giáo dục quốc dân, và sự viên chức hóa nhân viên.

Thời kỳ hậu chiến được đánh dấu bởi ý muốn đặt lại câu hỏi về hệ thống giáo dục. Một Ủy ban mang tên hai vị nguyên giám đốc, Langevin – Wallon đã thiết lập một đồ án được coi như kết quả của hai trào lưu tư tưởng giữa hai cuộc chiến: trường học duy nhất cho các cơ cấu giáo dục và mô hình trường học mới cho một nền sư phạm (Prost, 1968). Kế hoạch này dự kiến một cấp bậc đào tạo trung gian (11 đến 15 tuổi) với tên gọi là cấp học hướng nghiệp (cycle d'orientation), và thành lập một đội ngũ các nhà tâm lý học học đường mới bên cạnh những chuyên gia tư vấn hướng nghiệp. Tuy nhiên kế hoạch này không được thực hiện. Henri Piéron, Phó giám đốc Ủy ban, đã chứng minh trong số báo

11-12 của Tập san của Viện Hướng nghiệp Quốc gia (Bulletin de l'Institut National d'Orientation Professionnelle) năm 1945, sự tồn tại của hai đội ngũ chịu trách nhiệm về sự thích nghi và hướng nghiệp học sinh: *“Trong dự án cải cách giáo dục chuẩn bị bởi Ủy ban Langevin, hướng nghiệp học đường phải giữ một vị trí quan trọng để thích hợp khả năng của mỗi người với sự đào tạo có tính giáo dục, bước đầu bắt buộc của đào tạo chuyên môn. Dĩ nhiên, những liên hệ giữa hướng nghiệp giáo dục và hướng nghiệp chuyên môn là rất chặt chẽ, vì hướng một đứa trẻ sau bậc giáo dục cấp một đến những ngành học lý thuyết hoặc thực hành ở cấp hai chính là đưa đứa trẻ đó vào con đường bao gồm nhiều loại nghề hoàn toàn khác nhau. Nhưng sự hướng nghiệp ban đầu này chỉ nhằm tới khả năng tận dụng đào tạo theo từng loại hình, mức độ mà không nghĩ tới các nghề, sự nghiệp sẽ chọn lựa về sau này. Vấn đề hướng nghề thực chất được đặt ra khi có sự chuẩn bị giáo dục cho các nghề”*. Bài viết này, qua việc phân biệt hai chức năng, hàm ý sự tồn tại của hai hệ thống nhân lực: những nhà tâm lý học học đường trong các trường học và những nhà tư vấn hướng nghiệp nằm trong giao diện giữa nhà trường và thế giới việc làm. Theo Caroff (1987), sự phân tách các chức năng này hợp với mục đích sửa đổi nhiều quyết định đề ra vào năm 1938. Văn phòng hướng nghiệp, được coi như một cấp điều phối các hoạt động giữa các trung tâm hướng nghiệp bắt buộc, sẽ được chuyển từ cấp liên tỉnh (niveau départemental) lên cấp vùng (niveau académique). Trong cùng thời điểm đó, các hội đồng phân đổi việc các đơn vị hành chính liên tỉnh (départements) phải đảm nhận ngân sách quản lý các trung tâm hướng nghiệp. Theo đề xuất của bà Rachel Lempereur, nghị sĩ đảng xã hội của miền bắc, chủ tịch Ủy ban giáo dục quốc gia của Quốc hội, Chính phủ đã sắp xếp lại các phòng hướng nghiệp (services d'orientation) (đạo luật ngày 24 tháng 5 năm 1951). Văn bản cuối cùng của đạo luật này dự kiến 3 biện pháp:

- Thành lập ban thanh tra hướng nghiệp dưới trách nhiệm của nhà nước ở mỗi viện hàn lâm,
- Các trung tâm hướng nghiệp bắt buộc chuyển thành các trung tâm hướng nghiệp công, khác biệt với các trung tâm tư nhân,
- Nhà nước chịu trách nhiệm chi trả thù lao giám đốc, nhà tư vấn và nhân viên hành chính.

Cương vị của các trung tâm này chỉ được làm rõ 4 năm sau và của nhân viên là 5 năm sau. Ngay khi đó, cơ cấu của các trung tâm hướng nghiệp như hiện nay đã được đặt ra, và sự tiến triển của các trung tâm hướng nghiệp đó chủ yếu là về mặt chất lượng để theo sát sự tiến triển và cải tổ hệ thống nhà trường. Mong muốn đặt một trường học duy nhất, đã có mầm mống từ cuối Đại chiến Thế giới lần thứ nhất, dẫn đến việc thay thế dần dần trường học theo hạng, loại (par ordre) (sơ cấp, trung cấp, kỹ thuật và chuyên môn) bằng trường học theo bậc, cấp (par degrés) (trường cấp 1, cấp 2, và cấp 3). Sự cải tổ cơ cấu về quy mô này là kết quả của nền cộng hoà thứ 5 cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960. Năm 1956, cuộc cải cách Berthoin mang tên Bộ trưởng Bộ Giáo dục (sắc lệnh ngày 6 tháng 01 năm 1959 về việc xoá bỏ kỳ thi vào lớp 6) đã quy định phổ cập giáo dục bắt buộc đến 16 tuổi đối với những trẻ em đủ 6 tuổi vào ngày 01 tháng 01 năm 1959. Để đón nhận học sinh dưới 16 tuổi, cần có một cơ cấu duy nhất. Nghị định ngày 03 tháng 8 năm 1963 đã thiết lập trường trung học phổ thông (Collège d'Enseignement Secondaire – CES) đón nhận học sinh từ 11 đến 15 tuổi trong 3 trình tự các bậc với từng môi trường,

cách dạy và hướng đi khác nhau. Cách tổ chức này đổi lập đào tạo ưu tú nhằm mở rộng tuyển chọn những “tinh hoa” (con đường 1), với sự kéo dài phổ cập cho một số đông học sinh (con đường 2 và 3). Năm 1961, trong logic phát triển phổ cập giáo dục, nhân viên của các trung tâm hướng nghiệp, trở thành các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp học đường và nghề. Sự thay đổi này cụ thể hóa sự chuyển đổi nhiệm vụ của họ từ cuối cấp bắt buộc đến những lớp đầu tiên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Về bản chất hoạt động, bản kiểm tra cá nhân giảm dần đi, nhường chỗ cho những bản thử nghiệm tập thể về khả năng, về kiến thức hoặc về lợi ích trong giai đoạn quan sát, hoặc vào lớp 9. Dưới sự ảnh hưởng của Maurice Reuchlin, người nổi nghiệp bà Piéron trưởng ban nghiên cứu ngay từ những năm 1950 và Henri Piéron trong việc điều hành, Viện INETOP đóng vai trò quan trọng trong việc định nghĩa những cách làm đó. Hướng nghiệp không còn bị đặt ra ngoài lề nữa, đây là thời kỳ hoàng kim của tâm lý học thực nghiệm với những phương pháp toán học ngày càng tinh tế hơn nhờ sự phát triển các nghiên cứu thống kê. Những con đường học ngày càng được nhân rộng (chứng chỉ kỹ thuật viên cao cấp, bằng cao đẳng kỹ thuật, sự thay đổi bằng tốt nghiệp phổ thông trung học, và các chứng chỉ dạy nghề sau trung học theo cuộc cải cách năm 1963). Song song với những nghiên cứu về trắc nghiệm và đánh giá, Ban nghiên cứu của Viện INETOP đã thực hiện những cuộc điều tra học đường đầu tiên tại Pháp. Cùng thời gian đó, Ban nghiên cứu của Viện Sư phạm Quốc gia (Institut Pédagogique Nationale – INP), tức Viện Nghiên cứu Sư phạm Quốc gia tương lai (INRP), vẫn tiếp tục những nghiên cứu trong lĩnh vực hướng nghiệp chú trọng vào việc quan sát học sinh trong tình huống học đường. Nếu được công nhận và đánh giá cao thì sự can thiệp có tính hệ thống trong tình huống học đường của những nhà tư vấn hướng nghiệp học đường và nghề vẫn là chủ đề tranh cãi ngay trong những trường học đó. Thủ tướng thời đó Georges Pompidou cũng phản đối, và khẳng định rằng hướng nghiệp trước hết phải là công việc của phụ huynh và giáo viên.

Sự tích hợp hướng nghiệp trong trường học và phát triển những hoạt động liên quan đến thông tin.

Vào cuối những năm 1960, phong trào tích hợp dẫn đến, một cách ngược đời, sự đặt ra ngoài lề. Dự án Laurent nghiên cứu sự tái cơ cấu những hoạt động và tiến triển của nhiệm vụ. Một trong những mục tiêu là cố gắng giải quyết vấn đề thông tin về thế giới nghề trong môi trường học đường. Đây có thể được coi như giải pháp cho vấn đề phối hợp các cơ cấu đang tồn tại: Cơ quan Thống kê Đại học (BUS) và các trung tâm hướng nghiệp học đường và nghề. Đây là một đồ án tổng thể liên quan đến tất cả các trường, các ban đang tồn tại, nhân viên, tổ chức thứ bậc và theo chức năng. BUS được chuyển thành Cơ quan Thông tin Quốc gia cho Hướng nghiệp Sư phạm và Nghề (Office National d’Information pour l’Orientation Pédagogique et Professionnelle – ONIOPP). Hai cơ quan phụ cho ONIOPP là: Trung tâm nghiên cứu về tiến triển trình độ và phân tích chức năng (Centre d’Etudes et de Recherches sur l’Évolution des Qualifications et l’Analyse des Fonctions), và Viện Quốc gia Nghiên cứu, Đào tạo Hướng nghiệp Sư phạm và Nghề (Institut National d’Etude, de Formation et de Recherche pour l’Orientation Pédagogique et Professionnelle). Hai cơ quan này được thành lập bởi sự tích hợp của INETOP, và sự chuyển đổi những trung tâm đào tạo thành các trung tâm địa phương có liên quan. Người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục cấp vùng sẽ chịu trách nhiệm tổ chức các trung tâm

hướng nghiệp ở mức khu vực. Dự án cũng dự kiến một cương vị mới cho những trung tâm hướng nghiệp (CO) chuyển đổi thành trung tâm thông tin và hướng nghiệp (CIO). Mỗi trung tâm được điều hành bởi một hiệu trưởng như những trường học. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật bao gồm các giáo viên – nhà tư vấn tuyển dụng trong đội ngũ giáo viên. Họ hoạt động trong các trường học phối hợp với các giáo viên, các chuyên gia tư vấn tâm lý chịu trách nhiệm quan sát học sinh, dự báo những trường hợp không thích nghi trong trường học, giúp đỡ tâm lý sư phạm trong các trường từ tiểu học đến trung học, và các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp nghề đảm nhận ngoài việc trợ giúp các giáo viên tư vấn những buổi tham khảo mang tính chất tâm lý kỹ thuật.

Dự án này được nghiên cứu thử nghiệm từ năm 1967 trong 2 cơ quan quản lý giáo dục cấp vùng (academies), là chủ đề của nhiều chỉ trích. Các công đoàn giáo viên đã biến sự rút lui này thành điều kiện tiên quyết trong các thương lượng đi theo phong trào xã hội phản đối tháng 5 năm 1968 (sự kiện 1968). Nhưng, sự tiến triển của các hoạt động hướng nghiệp, các chính sách thông tin càng trở nên cần thiết, và cần được chú ý hơn do sự phát triển quá trình học, sự nhân rộng các cách hướng nghiệp có thể, sự sắp xếp lại thể giới việc làm kèm theo một cái nhìn không rõ ràng như trước về lao động. Cho dù dự án Laurent bị bãi bỏ, nhưng một số quy định đã được giữ lại. Năm 1970, Cơ quan Quốc gia thông tin về Học tập và Nghề nghiệp (Office National d'Information sur les Etudes et les Professions – ONISEP) được thành lập nhờ sự chuyển đổi Cơ quan Thống kê Đại học (BUS) với một cơ quan liên kết: Trung tâm nghiên cứu về Năng lực (Centre d'Etude et de Recherche sur les Qualifications – CEREQ). Các trung tâm hướng nghiệp học đường và nghề được chuyển thành các trung tâm thông tin và hướng nghiệp (Centre d'Information et d'Orientation – CIO) biểu hiện ngay trong tên gọi vị trí ngày càng quan trọng của việc cung cấp thông tin trong các hoạt động. Cương vị mới của các nhân viên (nghị định ngày 21 tháng 4 năm 1972), cho dù có một số thay đổi do việc tích hợp các nhân viên của Phòng Đại học Thống kê (BUS), nằm trong sự kéo dài những cương vị cũ bởi sự chuyển dịch đội ngũ hiện tại. Nhiệm vụ được chỉ rõ: *“các chuyên gia tư vấn, dưới quyền của giám đốc Trung tâm Thông tin và Hướng nghiệp, tham gia vào các hoạt động thông tin, hướng nghiệp ở tất cả các cấp bậc từ cấp 2 đến cao hơn thuộc nhiệm vụ của các trung tâm này. Đối với giáo dục cấp 2, các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp tham gia vào việc quan sát học sinh nhằm giúp học sinh thích nghi và hướng nghiệp”*. Cấp liên tỉnh (département) hình thành với đội ngũ thanh tra ở cấp này về thông tin và hướng nghiệp, cấp vùng (académie) được tăng cường bởi sự thành lập ban thông tin và hướng nghiệp hàn lâm trong khuôn khổ củng cố sự kế hoạch hóa nhà trường, đặt ra những quy trình hướng nghiệp mới năm 1973. Những quy trình này xoay quanh 3 kỳ riêng biệt: thông tin, đối thoại giữa thanh niên, gia đình và đội ngũ giáo dục, và hướng nghiệp dựa trên quyết định hướng nghiệp của Hội đồng lớp, và quyết định bổ dụng của thanh tra giáo dục. Cùng thời gian đó, thông tư ngày 8 tháng 6 năm 1971 đặt vấn đề thông tin học đường và nghề nghiệp trong các trường học dưới quyền trực tiếp của hiệu trưởng, chuyên gia tư vấn hướng nghiệp trở thành chuyên gia tư vấn kỹ thuật của chính hiệu trưởng. Thông tư này, với mong muốn tích hợp thông tin *“vào tổng thể các hoạt động giáo dục trong các trường học”* đã hình dung trước đó sẽ là giáo dục hướng nghiệp trong những năm sau (thông tư ngày 30 tháng 9 năm 1995). Ngay năm 1969, Cục thanh tra các ban hướng nghiệp đã được tái thiết lập. Sự sát nhập của Cục này với nhóm “Đời sống học đường” đánh dấu sự kết thúc của mối liên hệ chặt chẽ với giáo dục kỹ thuật từ nửa thế kỷ nay.

Giai đoạn cải cách các ban thông tin và hướng nghiệp liên kết chặt chẽ với cố gắng đổi mới đào tạo thay đổi sâu sắc điều kiện của hướng nghiệp. Giai đoạn này tương ứng với sự thay đổi quan trọng của các văn bản lập pháp liên quan đến đào tạo nghề, và tại chức (đạo luật ngày 16 tháng 7 năm 1971). Theo Caroff (1987), tham vọng của đạo luật này, giữ nguyên phạm vi, tiếp vào những tham vọng của pháp lệnh ngày 24 tháng 5 năm 1938 nhìn nhận sự thể chế hóa công tác hướng nghiệp gần như một ngoại lệ: hướng nghiệp không còn là một mảng không thể thiếu được của dạy nghề. Hướng nghiệp được nêu lên trong dạy nghề, nhưng giới hạn dưới góc độ của tư liệu và thông tin. Đối với tác giả này, *“sự thiếu vắng quy định về hướng nghiệp trong lĩnh vực đào tạo tại chức sẽ mở cửa cho sự đa dạng và phân tán các cố gắng”*. Ngay khi đó, các biện pháp về đào tạo tại chức đã được triển khai, hướng nghiệp và gia nhập nghề ít có quan hệ đến hoạt động của các ban hướng nghiệp ngoài những yêu cầu khá hạn chế, thường xuyên trải qua không mấy tốt đẹp của đội ngũ nhân viên. Những thiết chế mới xuất hiện như những nhóm công tác địa phương (missions locales), những bộ phận thường trực tiếp đón, thông tin và hướng nghiệp năm 1982 trong khuôn khổ những biện pháp gia nhập thanh niên từ 16 đến 25 tuổi. Các trung tâm liên trường đánh giá, bồi dưỡng năng lực (centres interinstitutionnels de bilan de compétences - CIBC) được mở ra từ năm 1986, sau đó gần đây các trung tâm hợp thức hóa kinh nghiệm làm việc. Một số cơ quan khác như Cơ quan phụ trách việc làm quốc gia, thành lập vào giữa những năm 60, tập trung lại nhiệm vụ vào hướng nghiệp và ủy thác các hoạt động cho các cơ quan tư nhân. Sự tiến triển này giải thích việc tạo lại phạm vi của hướng nghiệp và thay đổi sự phân bổ các chuyên gia trong ngành. Trong những năm 70, các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp của Giáo dục quốc dân chiếm gần như toàn bộ số chuyên gia hướng nghiệp, đầu năm 2000 họ chiếm ít hơn một phần tư tổng số chuyên gia trong ngành.

Kết luận

Vào đầu những năm 1970, khung cảnh các các hoạt động hiện nay của hướng nghiệp đã được phác họa và tiến triển khá nhanh: 144 trung tâm và 1.300 chuyên gia tư vấn, khoảng dưới 500 trung tâm và bộ phận tùy thuộc tập hợp 4.500 chuyên gia tư vấn ngày nay. Năm 1991 (công văn ngày 20 tháng 3 năm 1991), các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp mang tên gọi là chuyên gia tư vấn hướng nghiệp tâm lý, đầu vào chỉ tuyển các sinh viên có bằng tâm lý. Sự công nhận này, gắn với đạo luật năm 1985 bảo trợ danh hiệu nhà tâm lý, đóng lại một lịch sử dài mà chúng ta cố gắng vạch lại những giai đoạn chính. Lịch sử này đi từ những ứng dụng đầu tiên của tâm lý học, các công cụ của nó, các bản kiểm tra, đầu thế kỷ 20, đến sự công nhận chính thức danh hiệu nhà tâm lý của những người làm công tác hướng nghiệp học sinh, sinh viên trong nền giáo dục quốc dân. Ta cũng có thể rút ra từ lịch sử này một vài bài học đào sâu suy nghĩ về những câu hỏi hiện nay, hoặc để cung cấp tư liệu cho việc thành lập các cấu trúc hướng nghiệp. Bốn nhận xét sau đây cũng nằm trong ý như vậy:

1. Lịch sử hướng nghiệp có tầm vóc chính trị quan trọng. Nó dựa trên những được mất xã hội liên quan đến thể giới chính trị và những cơ quan thể chế. Sự phát triển

- của nó nhất thiết phải trải qua một số lựa chọn, và quyết định mang tính quy chế, lập pháp trong quy mô của nhà trường, và lao động.
2. Sự phát triển của hướng nghiệp khắc sâu trong thời gian dài. Những giai đoạn khác nhau của lịch sử đã để lại nhiều dấu ấn riêng. Cần phải phân tích những đặc điểm của hướng nghiệp để hiểu được bản chất những sự kết hợp liên tiếp và tránh lặp lại những bế tắc vào từng thời điểm, có thể làm chậm tiến trình phát triển.
 3. Lịch sử hướng nghiệp và các hoạt động hướng nghiệp liên kết chặt chẽ với sự phát triển của tâm lý học, và nghề tư vấn hướng nghiệp là một trong những nghề lâu đời nhất của ngành tâm lý. Hướng nghiệp phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học tâm lý, của các cơ sở đào tạo và nghiên cứu có thể trợ giúp sự phát triển.
 4. Lịch sử hướng nghiệp và các thực hành không thể tách rời lịch sử các cơ quan chịu trách nhiệm thiết lập, sản xuất các tài liệu thông tin về đào tạo, và thị trường lao động. Sự suy ngẫm về các cấu trúc đào tạo riêng trong lĩnh vực hướng nghiệp bao gồm cả sự suy ngẫm song song thành lập các cơ quan đó và nhiệm vụ của họ.

Để kết thúc, một nhận xét cuối cùng cần chú ý, theo Michel Huteau hướng nghiệp “*hợp thành một di sản thực sự xứng đáng được quản lý tốt hơn*”. Hợp tác, được khởi đầu thông qua hội thảo khoa học này, giữa Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Nghiên cứu Khoa học Lao động và Hướng nghiệp Quốc gia – INETOP, thuộc Học viện Quốc gia về Nghệ thuật và Nghề nghiệp CNAM Paris gắn với mục đích gìn giữ di sản này.

Tài liệu tham khảo

1. Bisseret N. (1974). *Les inégaux ou la sélection universitaire*, Paris, PUF.
2. Briand J.P. (1989). L'apparition du « préapprentissage » dans les grandes villes au début du XX siècle, *Emploi Formation*, n°27-28, 42-64.
3. Caroff A. (1987). *L'organisation de l'orientation en France. Evolution des origines à nos jours*, Paris, EAP.
4. Fontègne J. (1921). *L'orientation professionnelle et la détermination des aptitudes*, Paris-Neuchatel, Delachaux & Niestlé.
5. Guichard J. (1987). Orientation, aptitude, statut de l'enfant : le discours autour de l'enfance et de l'adolescence inadaptée, Document multigraphié, CNAM-INETOP.
6. Huteau M. (1999). Psychologie et société : l'évolution du rôle et des méthodes des conseillers d'orientation des années 1920 à aujourd'hui, *Questions d'Orientation*, n°1, 13-4.
7. Huteau M., Lautrey J. (1979). Les origines et la naissance du mouvement de l'orientation, *L'Orientation Scolaire et professionnelle*, 8, 1, 3-43.
8. Isambert-Jamati V. (1972). La notion d'orientation dans l'enseignement secondaire, *L'Orientation Scolaire et professionnelle*, 1, 2, 129-141.
9. Lelièvre C. (1990). *Histoire des institutions scolaires (1789-1989)*, Paris, Nathan.
10. Martin J. (). L'orientation professionnelle en France, en Allemagne et en Grande-Bretagne dans les années 1920 : un instrument de rationalisation, *Histoire et Sociétés*,

11. Prost A. (1968). *Histoire de l'enseignement en France de 1800 à 1967*, Paris, Armand Colin.
12. Prost A. (1996). Des professions à l'école : jalons pour une histoire de l'orientation en France, *Vie Sociale*, n°5, 11-24.